

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /2025/NQ-HĐND

Thành phố Huế, ngày 26 tháng 02 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý  
của thành phố Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa  
học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ  
Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán ngân sách nhà  
nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày  
05/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 2 Thông tư số  
03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự  
toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm  
vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của  
Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ  
công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử  
dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 1600/TTr-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban  
nhân dân thành phố Huế về việc ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và  
mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -  
Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 22 thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ 07 tháng 3 năm 2025./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính; KH&CN;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
- Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các sở, Ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Lưu**





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)*

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.
- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học và công nghệ theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn được áp dụng quy định tại Quy định này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).
- Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo Quy định này.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Chương II

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

##### Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

##### Điều 4. Mức thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố là 32 triệu đồng/người/tháng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là 25,6 triệu đồng/người/tháng; đối với các



chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

## 2. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (HCD)	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,8	0,64
2	Thư ký khoa học	0,24	0,19
3	Thành viên chính	0,64	0,51
4	Thành viên	0,32	0,26
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,16	0,13

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

3. Mức thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ) được tính theo các công thức sau:

a. Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN:

$$\text{TLCN} = \text{HCD} \times \text{DMCN} \times 20\% \times \text{T}$$

Trong đó:

TLCN: Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 Điều này;

DMCN: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

b. Thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN:

$$\text{TLTK} = \text{HCD} \times \text{DMCN} \times 20\% \times \text{T}$$

Trong đó:

TLTK: Thù lao của thư ký khoa học;

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh thư ký khoa học được quy định tại khoản 2 Điều này;

DMCN: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

c. Chi thù lao của nhóm chức danh:

$$TLNCD = HCD \times DMCN \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

TLNCD: Tổng thù lao của nhóm chức danh;

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 2 Điều này;

DMCN: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

$\Sigma t_{NCD}$ : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

d. Chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng:

$$TLNCD = HCD \times DMCN \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó:

TLNCD: Tổng thù lao của nhóm chức danh;

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 2 Điều này;

DMCN: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

$\Sigma t_n$ : Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ( $t_n < 22$ ).

4. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): thực hiện theo quy định tại mục b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

#### **Điều 5. Chi thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Thuê chuyên gia trong nước: thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

2. Thuê chuyên gia nước ngoài: thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Các trường hợp được thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.



4. Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 6. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

2. Các trường hợp phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 7. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định**

Thực hiện theo khoản 3 Điều 4 của Thông tư 03/2023/TT-BTC.

**Điều 8. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học**

Nội dung và mức chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu; phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

DVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Người/ buổi	1.600	1.280
2	Thư ký	Người/ buổi	400	300

3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.400	1.920
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng (không trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học)	Báo cáo	1.200	960
5	Thành viên tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	240	190

### Điều 9. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Các nội dung và mức chi thực hiện điều tra, khảo sát thu thập số liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

### Điều 10. Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		720	580
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		600	480
-	Thư ký khoa học		120	100
-	Thư ký hành chính		120	100



-	Đại biểu được mời tham dự		80	60
2	Chi nhận xét đánh giá	1 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		280	220
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	320

### **Điều 11. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng.

### **Điều 12. Chi hoạt động của các Hội đồng**

#### 1. Chi thù lao

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.200	960
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800	640
-	Thư ký khoa học		240	190



-	Thư ký hành chính		240	190
-	Đại biểu được mời tham dự		160	130
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	320
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	450
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		560	450
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		400	320
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.440	1150
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	960
-	Thư ký khoa học		240	190
-	Thư ký hành chính		240	190
-	Đại biểu được mời tham dự		160	130
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		

		nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	450
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	640
3	Chi thẩm định kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	640
-	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	450
-	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240	190
-	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	130
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.440	1150
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	960
-	Thư ký khoa học		240	190
-	Thư ký hành chính		240	190
-	Đại biểu được mời tham dự		160	130
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	450



-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	640
---	--	--	-----	-----

2. Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 13. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định này.

**Điều 14. Chi thông báo, tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông và các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ:**

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

**Điều 15. Nguồn kinh phí thực hiện:**

1. Ngân sách nhà nước giao dự toán hàng năm;
2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

